TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ CÔNG TÂY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 250/2020/HNGĐ-ST
Ngày 12-8-2020
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Thanh Phú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thảnh.

2. Bà Lê Thị Kiều Chinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quí - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 117/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2020 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 58/2020/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị V, sinh năm 1985 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp V, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Thiểu E, sinh năm 1983 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp V, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn ly hôn ngày 04/5/2020 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị V trình bày:

Chị và anh Thiểu E chung sống từ năm 2010, do quen biết trước, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L theo giấy chứng nhận kết hôn số 97 ngày 14/6/2010. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do không cùng quan điểm sống; anh Thiểu E không chăm lo kinh tế gia đình nên vợ chồng thường xuyên cải nhau. Chị đã cố

gắng khuyên giải nhiều lần nhưng anh Thiểu E vẫn không thay đổi nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 8/2019 đến nay. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Thiểu E.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 14/3/2012, hiện đang sống chung với anh Thiểu E. Ly hôn, chị V đồng ý giao con chung cho anh Thiểu E được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng; chị không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Ngoài ra không còn yêu cầu gì khác.

* Bị đơn anh Nguyễn Văn Thiểu E đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng anh Thiểu E vẫn vắng mặt không lý do, cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn.

* Ý kiến của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý và xét xử vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nên không kiến nghị gì về tố tụng.

Về nội dung: Qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng đã đến mức trầm trọng, tình cảm không thể hàn gắn được; đối với con chung hiện sống với cha nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Trần Thị V yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn Thiểu E và yêu cầu anh Thiểu E trực tiếp nuôi dưỡng con chung nên đây là tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Nguyễn Văn Thiểu E có nơi cư trú tại ấp V, xã L, huyện G nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Chị Trần Thị V có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa; anh Nguyễn Văn Thiểu E đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt chị V, anh Thiểu E.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị V và anh Nguyễn Văn Thiểu E chung sống trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã L cấp giấy chứng nhận kết hôn số 97 ngày 14/6/2010 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Quá trình chung sống, giữa chị V và anh Thiểu E xảy ra mâu thuẫn kéo dài không tự hàn gắn được. Theo Biên bản xác minh ngày 23/6/2020 (BL: 26) của Tòa án đối với chính quyền địa phương nơi chị V và anh Thiểu E cư trú thì nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng là do anh Thiểu E nghi ngờ chị V có quan hệ tình cảm với người khác nên ghen tuông đánh chị V. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập để tiến hành hòa giải nhằm hàn gắn tình cảm giữa hai bên nhưng anh Thiểu E không tham dự, điều đó chứng tỏ anh Thiểu E không còn quan tâm đến việc hàn gắn tình cảm vợ chồng. Thấy rằng, anh Thiểu E đã có hành vi bạo lực gia đình và giữa chị V, anh Thiểu E không có sự quan tâm, chăm sóc, giúp đở nhau nên cần xác định tình trạng mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng, hạnh phúc hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị V là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con: Chị V và anh Thiểu E có 01 con chung chưa thành niên tên Nguyễn Hoàng A. Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, chị V đồng ý giao con chung cho anh Thiểu E được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Theo khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quy định: *"Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con; ...".*

Do anh Thiểu E vắng mặt nên không có sự thỏa thuận với chị V về người trực tiếp nuôi con chung. Tại Biên bản xác minh ngày 23/6/2020 của Tòa án nêu trên thì cháu Hoàng A hiện đang sống chung với anh Thiểu E. Do vậy, dù anh Thiểu E không thể hiện ý kiến của mình về con chung; tuy nhiên để tạo điều kiện thuận lợi, đảm bảo sự phát triển bình thường cho cháu nên Hội đồng xét xử giao cháu Hoàng A cho anh Thiểu E được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Nếu sau này anh Thiểu E có yêu cầu về con chung sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ án khác.

Anh Thiểu E chưa yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con nên không đặt vấn đề giải quyết.

[5] Về chia tài sản, nợ chung: Chị V và anh Thiểu E không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí: Chị V là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 và tiểu mục 1.1 mục 1 phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Về ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị V.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Thị V được ly hôn với anh Nguyễn Văn Thiểu E.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 14/3/2012 cho anh Nguyễn Văn Thiểu E trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Chị Trần Thị V không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Trần Thị V có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở.

2. Về án phí:

- Chị Trần Thị V phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0016464 ngày 08/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây nên chị V đã nộp xong án phí.

- Anh Nguyễn Văn Thiểu E không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt bản án hoặc niêm yết công khai bản án, chị Trần Thị V và anh Nguyễn Văn Thiểu E được quyền kháng cáo bản án đến Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Gò Công Tây;
- Chi cục THADS huyện Gò Công Tây;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thanh Phú